TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/DS-ST
Ngày: 22-02-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Tố Nhân

Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thị Hòa

2. Bà Nguyễn Thị Xuân Trinh

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Vũ Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Tú - Kiểm sát viên

Trong ngày 22 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 265/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2022 về "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân
Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Văn H.
Địa chỉ: Số 05 đường 32, phường Tân Quy, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc T(có mặt)
Địa chỉ: đường số b, phường t, Quận y, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo giấy ủy quyền số 77/UQ-QTD ngày 08/4/2022 của Quỹ tín dụng nhân dân)

Bị đơn: Bà Võ Thị Kim K, sinh năm 1976 (có yêu cầu xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: đường T, Tổ 16, Khu phố 2, phường T, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Thị Kim T, sinh năm 1981 (có yêu cầu xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: đường T, Tổ 16, Khu phố 2, phường T, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/7/2021 của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án thể hiện như sau:

Ngày 19/10/2020 Quỹ tín dụng nhân dân (gọi tắt là Quỹ tín dụng) và bà Võ Thị Kim K ký Hợp đồng tín dụng số 1-0003967/HĐTD để cho bà K vay số tiền vay 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng). Vay tín chấp không có tài sản bảo đảm. Thời hạn vay 10 tháng, từ ngày 19/10/2020 đến ngày 19/8/2021. Lãi suất tại thời điểm ký

hợp đồng là 11,558%/năm (0,95%/tháng). Mục đích vay: mua máy vi tính. Hình thức trả nợ: Trả gốc và lãi hàng tuần.

Tính đến ngày khởi kiện bà Võ Thị Kim K còn nợ Quỹ tín dụng số tiền 23.563.000 đồng.

Tính đến ngày hòa giải 21/12/2022 bà Võ Thị Kim K đã thanh toán cho Quỹ tín dụng số tiền là 19.500.000 đồng, cụ thể: Nợ gốc 27.345.000 đồng, còn phải trả 12.655.000 đồng. Nợ lãi đã trả: 855.000 đồng, còn nợ 7.634.000 đồng, gồm: lãi trong hạn 3.864.000 đồng, lãi quá hạn 4.625.000 đồng, lãi vi phạm hợp đồng 556.000 đồng, còn phải trả: 8.190.000 đồng.

Tính đến ngày 21/12/2022 bà K còn nợ nguyên đơn số tiền 20.845.000 đồng, trong đó nợ gốc là 12.655.000 đồng, nợ lãi là 7.634.000 đồng, phạt vi phạm là 556.000 đồng.

Bị đơn bà Võ Thị Kim K trình bày: Bà K thừa nhận có vay của Quỹ tín dụng số tiền 40.000.000 đồng, thừa nhận hiện nay còn nợ Quỹ tín dụng số tiền 20.845.000 đồng, trong đó, nợ gốc là 12.655.000 đồng, nợ lãi là 7.634.000 đồng, phạt vi phạm là 556.000 đồng. Bà K yêu cầu trả mỗi tuần là 300.000 đồng cho đến khi hết nợ. Khi vay, Quỹ tín dụng yêu cầu chồng bà là ông Lê Quang Thái ký Giấy cam kết bảo lãnh, bà nói chồng bà không có hộ khẩu thì người của Quỹ tín dụng là ông Lê Hồng Minh nói có Giấy kết hôn cũng được, nên bà đưa Giấy kết hôn để ký cam kết vay. Việc Quỹ tín dụng cung cấp cho Tòa án Giấy cam kết bảo lãnh (không ghi ngày, tháng, năm) do bà Võ Thị Kim T ký để vay số tiền 50.000.000 đồng là không đúng với số tiền tôi vay lần này. Do đó bà đề nghị Quỹ Tín dụng cung cấp Giấy cam kết bảo lãnh do chồng bà là ông Lê Quang Thái ký để đối chứng. Bà K xin vắng mặt tại tất cả buổi làm việc và phiên xét xử của Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Kim T trình bày: Bà ký vào Giấy cam kết bảo lãnh (không ghi ngày, tháng, năm) là ký khống không có nội dung, nên bà không đồng ý, bà K vay của Quỹ tín dụng số tiền 40.000.000 đồng, nhưng tờ Giấy cam kết viết vào sau khi bà ký tên là 50.000.000 đồng. Theo bà T thì bà không liên quan đến khoản vay 40.000.000 đồng của bà K nên bà xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc của Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn ông T trình bày giữ nguyên yêu cầu trong đơn khởi kiện, yêu cầu bà K trả số tiền vay còn nợ tính đến ngày xét xử sở thẩm là 19.111.000 đồng, trong đó, nợ gốc là 10.555.000 đồng, nợ lãi là 8.556.000 đồng, và trả tiền lãi cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng. Yêu cầu bà K trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tiến hành thu thập chứng cứ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng các quy định chung về phiên tòa sơ thẩm, thủ tục bắt đầu phiên tòa, đảm bảo việc tranh tụng tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội

đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân yêu cầu bị đơn bà K trả số tiền vay còn nợ, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là "tranh chấp hợp đồng dân sự" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn bà K cư trú tại Quận 7 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Xét xử vắng mặt đương sự:

Bị đơn bà K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà T có yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1-0003967/HĐTD ngày 19/10/2020 giữa Quỹ tín dụng với bà K có nội dung: bà K vay số tiền 40.000.000 đồng. Mục đích vay: mua máy vi tính. Thời hạn vay 10 tháng, từ ngày 19/10/2020 đến ngày 19/8/2021. Lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 11,558%/năm (0,95%/tháng), có cơ sở để xác định bị đơn bà K có vay tiền của nguyên đơn Quỹ tín dụng, do đó Hội đồng xét xử xác định giao dịch dân sự giữa bà K và Quỹ tín dụng là giao dịch dân sự về vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Ngày 19/10/2020 bà K được Quỹ tín dụng giải ngân theo Giấy nhận nợ với số tiền 40.000.000 đồng.

- Tính đến ngày khởi kiện bà Võ Thị Kim K còn nợ Quỹ tín dụng số tiền 23.563.000 đồng.

- Tính đến ngày hòa giải 21/12/2022 bà Võ Thị Kim K đã thanh toán cho Quỹ tín dụng số tiền là 19.500.000 đồng, cụ thể: Nợ gốc 27.345.000 đồng, còn phải trả 12.655.000 đồng. Nợ lãi đã trả: 855.000 đồng, còn nợ 7.634.000 đồng, gồm: lãi trong hạn 3.864.000 đồng, lãi quá hạn 4.625.000 đồng, lãi vi phạm hợp đồng 556.000 đồng, còn phải trả: 8.190.000 đồng.

- Ngày 21/12/2022 bà K xác nhận bà còn nợ nguyên đơn số tiền 20.845.000 đồng, trong đó nợ gốc là 12.655.000 đồng, nợ lãi là 7.634.000 đồng, phạt vi phạm là 556.000 đồng. Bà K xin trả mỗi tuần 300.000 đồng cho đến khi hết nợ

- Ngày 15/02/2023 bà K trả thêm được cho nguyên đơn số tiền gốc là 2.100.000 đồng.

- Tính đến ngày xét xử sơ thẩm bà K còn nợ nguyên đơn số tiền là 19.111.000 đồng, trong đó, nợ gốc là 10.555.000 đồng, nợ lãi là 8.556.000 đồng, và trả tiền lãi cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng.

Theo quy định tại Điều 463, và 466 Bộ luật dân sự năm 2015 ”*bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”*, do bị đơn vi phạm thời hạn trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ là phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đối với bị đơn: Mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tại thời điểm giải ngân là 11,558%/năm, đây là mức lãi suất được nguyên đơn áp dụng từ thời điểm cho vay cho đến khi kết thúc khoản vay, như vậy mức lãi suất được hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là hoàn toàn tự nguyện, là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Bà K đã trả được số tiền lãi là 855.000 đồng, nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi còn nợ tính đến ngày 22/02/2023 là 8.556.000 đồng, là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với các nội dung mà đương sự không yêu cầu, căn cứ quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân , buộc bà K có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền vay còn nợ 19.111.000 đồng, trong đó, nợ gốc là 10.555.000 đồng, nợ lãi là 8.556.000 đồng, và trả tiền lãi cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà K phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà K phải chịu án phí là 955.550 đồng.

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 192; 227; 228; 266; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 98 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thi hành án dân sự năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí,

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân . Buộc bị đơn bà Võ Thị Kim K có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân

dân số tiền vay còn nợ là 19.111.000 đồng (mười chín triệu một trăm mười một ngàn đồng), trong đó nợ gốc là 10.555.000 đồng, nợ lãi là 8.556.000 đồng, trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và bà Võ Thị Kim K tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký. Hai bên đương sự thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Án phí dân sự sơ thẩm là là 955.550 đồng (chín trăm năm mươi năm ngàn năm trăm năm mươi đồng), bị đơn Võ Thị Kim K phải chịu.

[3] Trả lại cho nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 684.575 đồng (sáu trăm tám mươi bốn ngàn năm trăm bảy mươi năm đồng) theo biên lai số 0014873 ngày 13/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 9 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TPHCM;
- VKS nhân dân Q7, TPHCM;
- Chi cục THADS Q7, TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu: Văn thư, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Tố Nhân